

Bản án số: 47/2024/HS-ST
Ngày 21/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR – TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Lợi Niê

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hà và bà H Nuer Niê

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Đức Duồng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện VKS huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu - Chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo: **Nguyễn Văn Ph**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16 tháng 02 năm 1982 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở: Số nhà 107/20/7 đường Đào Duy Từ, phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1947 (đã chết). Con bà: Phùng Thị L, sinh năm 1952 (đã chết); bị cáo có vợ là Phạm Thị C, sinh năm: 1983 (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm: 2013. Hiện vợ và con đang sinh sống tại Tổ dân phố 5, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh DL.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường Thành C, Tp. BMT, tỉnh DL – có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Bà Trần Thị T (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, thị trấn EP, huyện CM, tỉnh DL

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 5 giờ 30 phút ngày 14/5/2024, Nguyễn Văn Ph một mình đi bộ đến quán cà phê HP ở Tổ dân phố 5, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh DL để uống cà phê.

Sau khi ngồi ở trong quán được khoảng 02 phút thì Ph đi vào khu vực trước quầy pha chế của quán để lấy điều khiển bật tivi lên xem. Tại khu vực pha chế, Ph thấy 01 ví đựng tiền màu đen để trên ghế nhựa là tài sản của chủ quán là bà Trần Thị T. Lúc này, bà T đang pha chế cà phê bên trong quầy pha chế không để ý quan sát nên Ph nảy sinh ý định trộm tiền để tiêu xài. Khi Ph mở ví ra xem thì Ph thấy trong ví có một số tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 50.000 đồng, 100.000 đồng, 200.000 đồng và 500.000 đồng, trong đó các tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 200.000 đồng và 500.000 đồng được cột với nhau bằng dây chun. Sau đó, Ph rút từ trong ví ra một số tiền mệnh giá 100.000 đồng, 200.000 đồng, 500.000 đồng bỏ vào túi sau quần, quay lại bàn ngồi tiếp tục uống cà phê. Một lúc sau, Ph đi ra nhà vệ sinh lấy số tiền vừa lấy trộm trong ví bà T ra đếm thì thấy tổng số tiền mà Ph lấy được là 3.000.000 đồng, gồm 01 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 12 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng rồi Ph tiếp tục cất giấu số tiền này vào túi quần sau và quay lại bàn ngồi uống Cà phê. Đến khoảng 7 giờ 00 cùng ngày thì Ph trả tiền uống cà phê rồi ra về. Khoảng 13 giờ ngày 14/5/2024, khi kiểm tra ví thì bà Trần Thị T phát hiện bị mất tiền nên đã trình báo Cơ quan Công an. Quá trình xác minh, Công an thị trấn QP đã triệu tập Nguyễn Văn Ph để làm việc thì Ph thừa nhận đã lấy trộm 3.000.000 đồng của bà Trần Thị T đồng thời giao nộp cho Cơ quan Công an số tiền 3.000.000 đồng mà Ph đã lấy trộm của bà T.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư M'gar đã thu giữ vật chứng gồm: số tiền 3.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 05/8/2024, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar truy tố bị cáo Nguyễn Văn Ph về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn Ph, đồng thời đưa ra các tình tiết giảm nhẹ về trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Ph phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Ph từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự

Cần trả lại số tiền 3.000.000đ cho bà Trần Thị T là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Tùng chỉ yêu cầu được nhận lại số tiền 3.000.000 đồng mà Nguyễn Văn Ph đã lấy trộm, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả tranh luận tại phiên tòa, đủ cơ sở để kết luận: Vào lúc 5 giờ 30 phút, ngày 14/5/2024, tại quán Cà phê Hòa Phát, tổ dân phố 5, TT. QP, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Văn Ph đã có hành vi lén lút lấy trộm số tiền 3.000.000 đồng của bà Trần Thị T thì bị phát hiện và xử lý.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Ph đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...”

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc, nhưng do ý thức coi thường pháp luật và động cơ tư lợi nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp 3.000.000 đồng của bà Trần Thị T. Do đó, cần áp dụng hình phạt tương xứng đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo tự nguyện giao nộp lại số tiền đã trộm cắp cho cơ quan điều tra, đã đến gặp xin lỗi bị hại và được người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Với tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện để các bị cáo cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp.

[7] Các biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 3.000.000 đồng đã trộm cắp cho Cơ quan điều tra và đã đến nhà bị hại xin lỗi người bị hại, được người bị hại làm đơn xin bãi nại và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về dân sự. Xét thấy người bị hại không yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 3.000.000 đồng là tài sản của bà Trần Thị T nên cần trả lại cho bà Trần Thị T là chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải bầu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Ph phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Ph 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Ph về cho UBND phường TC, Tp. BMT quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Các biện pháp tư pháp: *Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47; Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.*

Trả lại số tiền 3.000.000 đồng cho bà Trần Thị T là chủ sở hữu hợp pháp.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Cư M'gar và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar ngày 08/8/2024)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn Ph phải bào 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;
Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Y Lợi Niê

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Người bị hại, người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Y Lợi Niê

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Lợi Niê

**HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Lợi Niê

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- UBND xã Quảng tiến, huyện Cư M'gar;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ vụ án.

Y Lợi Niê